CTCP Dịch vụ Trực tuyến FPT (UPCOM: FOC)

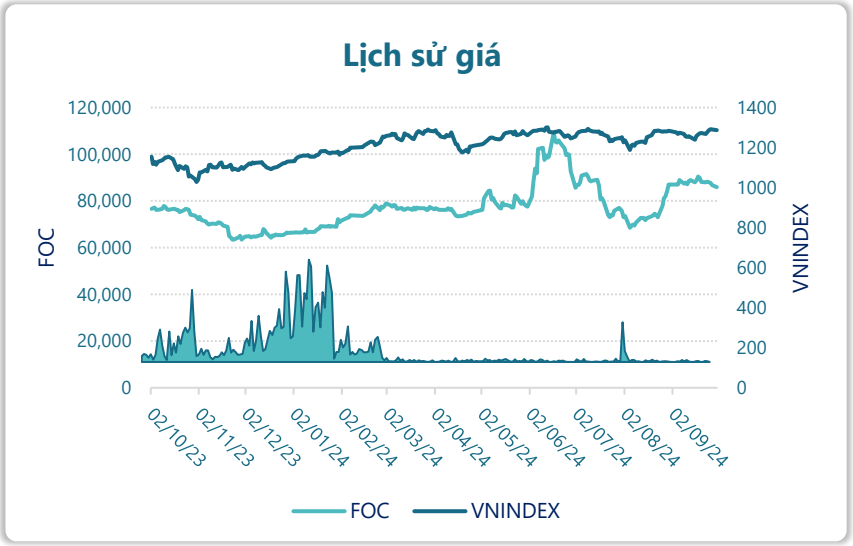

Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**86,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	109,255
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	63,463
SL cổ phiếu LH	18,419,884
KLGD BQ 20 phiên (CP)	46,080
% sở hữu nước ngoài	0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,584
P/E	11.0
EPS	7,795

DT thuần

Q3/24

201

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 50.0| 33.4%

YoY: ▲ 47.0| 30.8%

LN sau thuế

Q3/24

45.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.0| 35.7%

YoY: ▲ 11.6| 34.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

28.2%

+/- YoY: ▲ 0.7%

DT thuần

9T 2024

480

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 67.0| 16.2%

LN sau thuế

9T 2024

95.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 29.7| 45.3%

ROE

Q3/24

19.4%

+/- YoY: ▲ 1.9%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

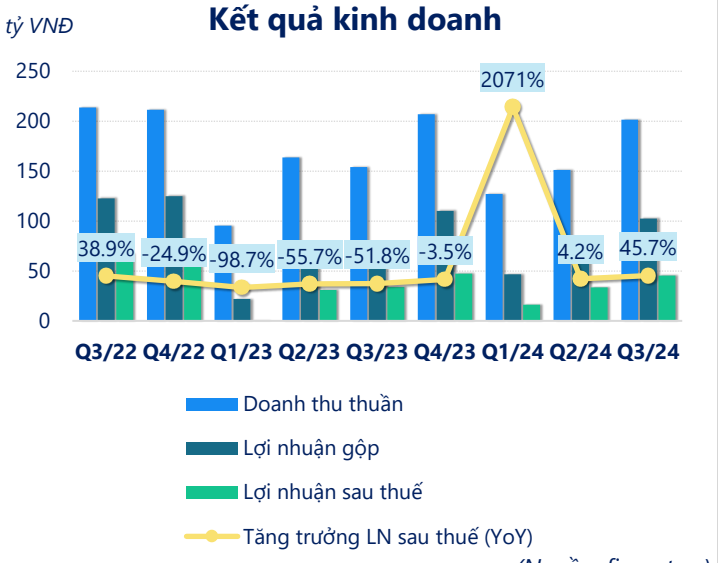

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

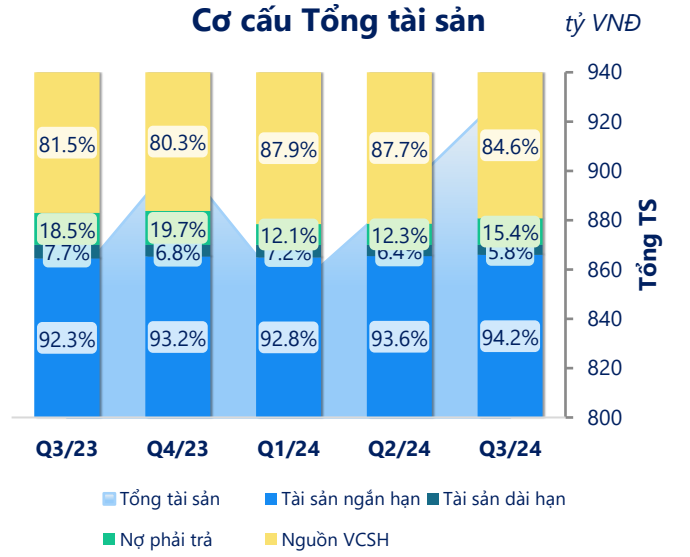

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

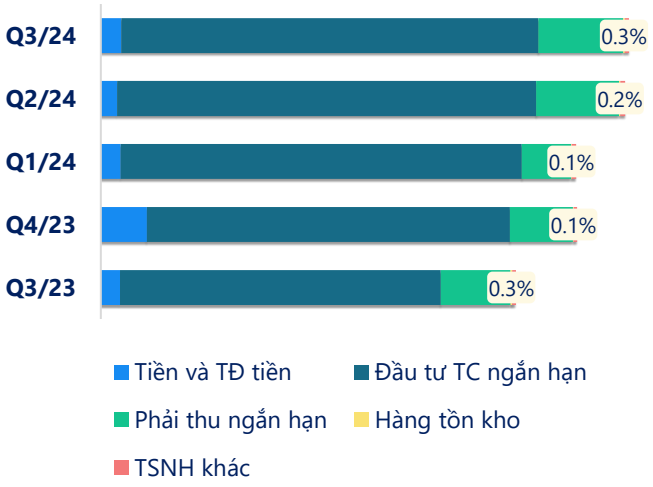

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

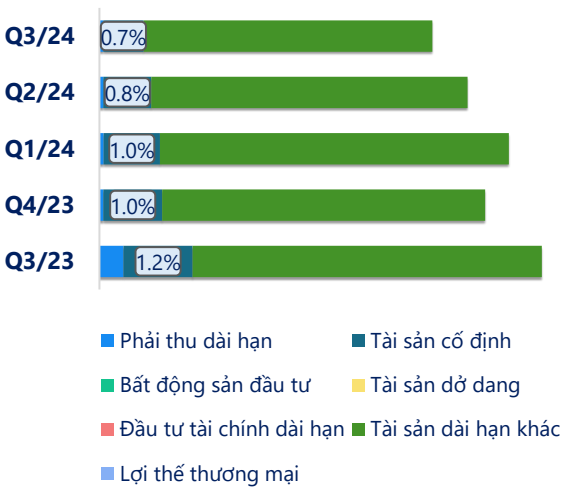

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

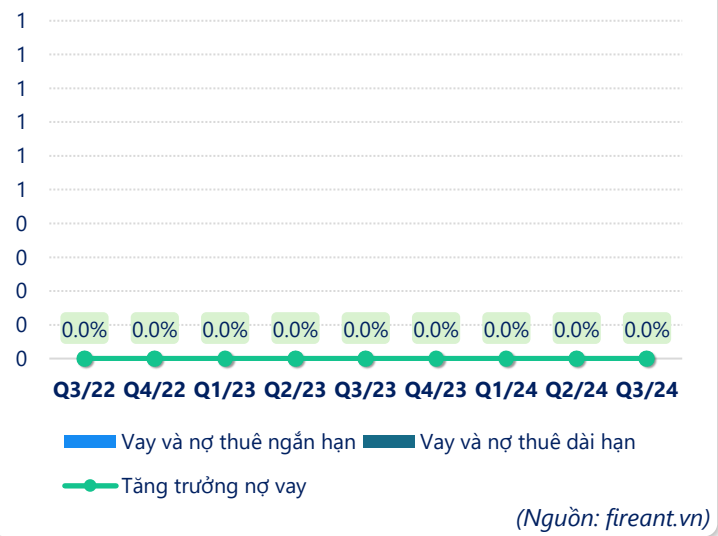

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

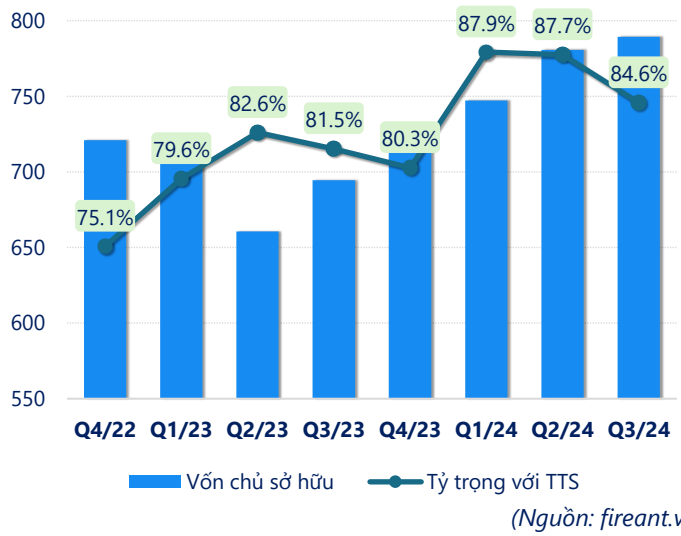

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

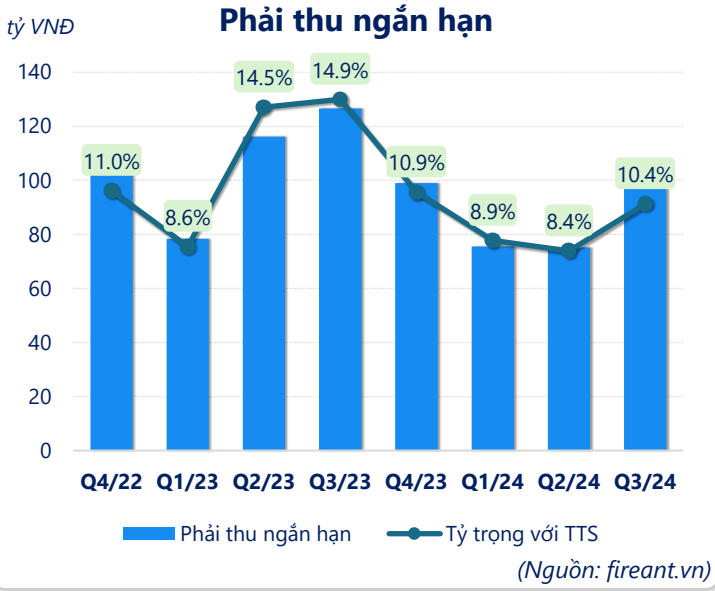

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

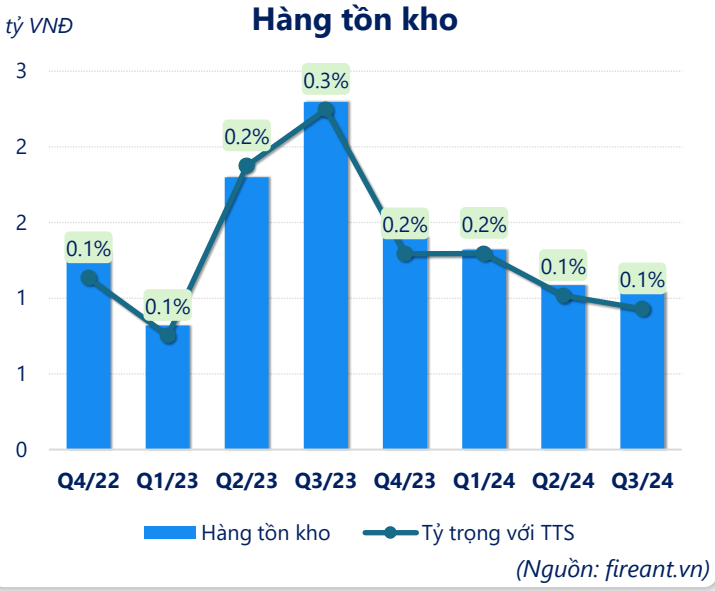

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

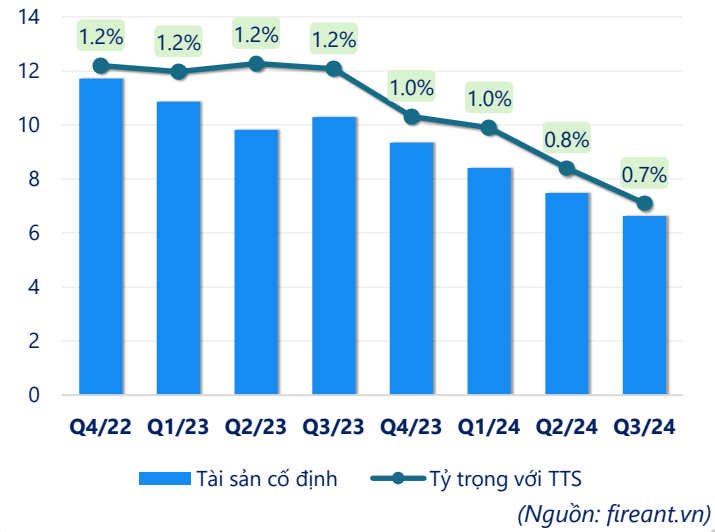

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

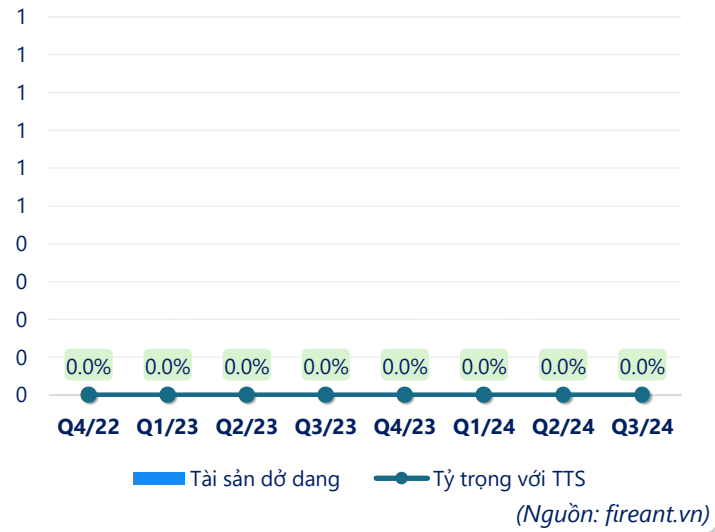

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

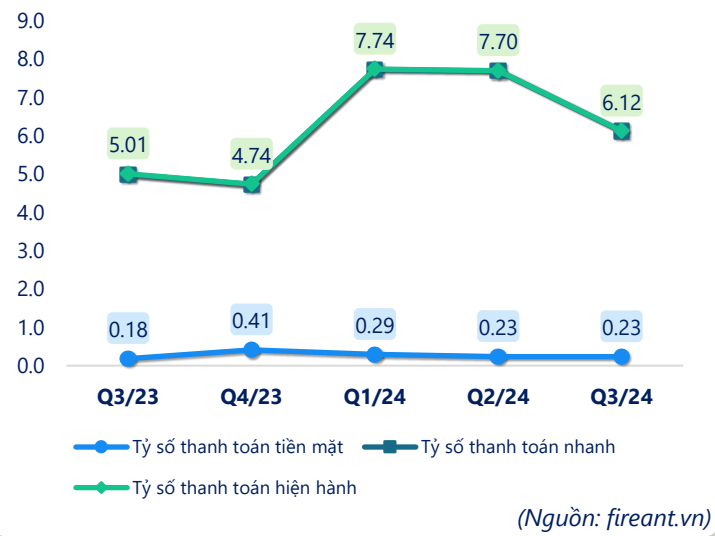

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

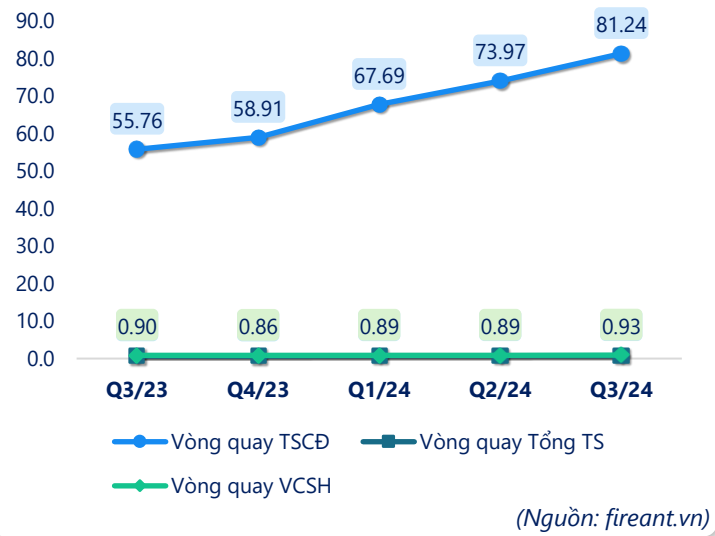

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**852**	**905**	**850**	**890**	**933**
Tài sản ngắn hạn	**786**	**844**	**789**	**832**	**879**
Tiền và tương đương tiền	28.7	73.2	29.6	25.4	33.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	622	665	679	731	747
Phải thu ngắn hạn	127	99.0	75.5	75.1	97.4
Hàng tồn kho	2.30	1.40	1.32	1.09	1.04
Tài sản ngắn hạn khác	6.39	5.71	3.41	0.19	0.12
Tài sản dài hạn	**66.0**	**61.1**	**60.9**	**57.3**	**54.4**
Phải thu dài hạn	3.60	0.60	0.60	0.60	0.60
Tài sản cố định	10.3	9.34	8.41	7.48	6.63
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	52.1	51.2	51.9	49.2	47.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**157**	**179**	**103**	**109**	**144**
Nợ ngắn hạn	**157**	**178**	**102**	**108**	**144**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	14.6	16.7	18.7	7.54	21.0
Nợ dài hạn	0.32	0.28	0.62	0.90	0.41
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**694**	**727**	**747**	**781**	**789**
Vốn chủ sở hữu	**694**	**727**	**747**	**781**	**789**
Vốn điều lệ	185	185	185	185	185
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)